

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Số: 29/2010/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 13 tháng 9 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 117/2009/NĐ-CP ngày 31/12/2009 của Chính phủ về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/2/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2009/NĐ-CP ngày 07/4/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính Phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/8/2007 của Bộ Công thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường về tiêu chuẩn, điều kiện kinh doanh nhập khẩu phê liệu;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 48/TTr-TNMT ngày 23 tháng 3 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 298/1999/QĐ-UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Phạm Văn Cường

QUY CHẾ

Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND ngày 13/9/2010
của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, đối tượng, phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế Bảo vệ môi trường (BVMT) trên địa bàn tỉnh Lào Cai được ban hành nhằm cụ thể hóa một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường để phù hợp với tình hình, điều kiện cụ thể tại địa phương, từng bước đưa Luật Bảo vệ môi trường vào cuộc sống, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng bền vững.

2. Quy chế này quy định cụ thể về công tác quản lý, hoạt động BVMT; chính sách, biện pháp và nguồn lực trong quản lý, BVMT; quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong hoạt động BVMT.

3. Quy chế này áp dụng cho tất cả cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (*kể cả các cơ quan, đơn vị Trung ương, tổ chức và cá nhân nước ngoài*) đang sinh sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Nguyên tắc bảo vệ môi trường

1. Bảo vệ môi trường phải gắn kết hài hoà với phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội để phát triển bền vững địa phương và đất nước.

2. Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn xã hội, quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

3. Hoạt động bảo vệ môi trường phải thường xuyên, lấy phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm tại nguồn là chính kết hợp với khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường.

4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, HỘ GIA ĐÌNH

Điều 3. Thực hiện lối sống thân thiện với môi trường

1. Sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên; tăng cường tái sử dụng, tái chế rác thải, sử dụng các loại chất bao gói dễ phân hủy trong tự nhiên, các sản phẩm

có gắn nhãn sinh thái, sản phẩm thân thiện với môi trường. Thực hiện tiêu dùng ít phát sinh rác thải, nhất là bao bì nilon khó phân hủy.

2. Tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, thôn xóm do chính quyền, các tổ chức đoàn thể, khu dân cư phát động.

3. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy ước của khu dân cư.

4. Nghiêm cấm hoạt động hủy hoại tài nguyên rừng (*săn bắt động vật rừng, phá rừng, đốt rừng làm nương rẫy, khai thác gỗ, lâm sản trái phép*), cấm khai thác thực vật rừng làm sinh vật cảnh.

Điều 4. Bảo vệ môi trường tại khu vực công cộng

1. Thực hiện các quy định về bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường.

2. Không vứt, đổ rác thải, nước thải ra lòng đường, vỉa hè, sông, suối, ao hồ, công viên, vườn hoa và các khu công cộng.

3. Không chặt phá, bẻ cành cây, phá hoại vườn hoa, thảm cỏ.

4. Không thả rông vật nuôi, không để vật nuôi phóng uế, gây mất vệ sinh nơi công cộng.

5. Không tập kết các loại vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng, hàng hóa trên lòng đường, tại các nơi công cộng gây cản trở giao thông, ô nhiễm môi trường.

Điều 5. Bảo vệ môi trường tại khu dân cư đô thị

1. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình phải thực hiện nghiêm túc quy định thu gom, xử lý rác thải, đổ rác đúng thời gian và địa điểm quy định của đơn vị thu gom rác. Không để vật đựng rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình ra lòng đường, vỉa hè.

Đối với các khu vực được Chính quyền địa phương tổ chức phân loại rác tại nguồn, các hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện phân loại rác thải tại hộ gia đình: Rác được phân loại thành rác hữu cơ dễ phân huỷ và các loại rác thải khác. Rác sau khi phân loại được đưa đựng vào loại bao bì chứa khác nhau và đổ bỏ rác theo quy định.

2. Nước thải sinh hoạt, nước thải từ khu vực vệ sinh của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình phải qua hệ thống xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung. Nghiêm cấm việc xả nước thải chưa qua xử lý vào môi trường tiếp nhận.

3. Không gây tiếng ồn, độ rung quá mức cho phép gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng dân cư xung quanh, đặc biệt trong khoảng thời gian từ 22h đêm đến 6h sáng.

4. Không phát thải các chất thải gây mùi hôi thối, mùi khó chịu trực tiếp vào môi trường; không phát tán khí thải vượt quá tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép gây ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt của cộng đồng dân cư xung quanh.

5. Không xây dựng các cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trong các khu dân cư khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc kho tàng có chứa chất dễ cháy, nổ, hoá chất độc hại khi xây dựng trong các khu dân cư phải đảm bảo tiêu chuẩn khoảng cách bảo vệ vệ sinh theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động. Đối với các cửa hàng xăng dầu xây dựng mới áp dụng theo QCXDVN 01:2008/BXD -

Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch xây dựng, yêu cầu khoảng cách tới nơi tụ họp đông người tối thiểu là 100m và cách lô giới (chỉ giới đường đỏ) ít nhất 7m.

7. Nộp đủ và đúng thời gian các loại phí môi trường (*phí vệ sinh môi trường và phí nước thải sinh hoạt, phí chất thải rắn...*) theo quy định của tỉnh và từng địa phương.

Điều 6. Bảo vệ môi trường tại khu dân cư nông thôn, thôn bản vùng cao

1. Khuyến khích việc tái sử dụng, tái chế các loại rác thải dễ phân huỷ thành các loại phân bón cho cây trồng; các loại chất thải vô cơ không thể tái chế, tái sử dụng cần đựng vào thùng chứa hoặc đổ vào hố rác cố định trong khuôn viên hoặc định kỳ đưa đến khu tập kết rác thải của địa phương; thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất điều hòa sinh trưởng,... đã hết hạn sử dụng, dụng cụ, bao bì đựng hóa chất cần cho vào hố chứa, thùng chứa để xử lý theo quy định.

2. Xây dựng nếp sống hợp vệ sinh, khuyến khích các hộ gia đình đầu tư xây dựng các công trình: giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh. Trong đó, nhà vệ sinh phải được xây dựng đảm bảo theo quy cách quy định, cách giếng nước ít nhất 10m. Nước thải sinh hoạt phải được thu gom vào các hố ga không để chảy tràn, gây ô nhiễm môi trường.

3. Các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm phải thường xuyên dọn vệ sinh chuồng trại, không để mùi hôi, thối ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Chuồng trại được xây dựng xa nhà ở, xa nguồn nước sinh hoạt ít nhất 10m và cuối hướng gió.

4. Tăng cường hỗ trợ, đầu tư, vận động các hộ gia đình xây dựng hệ thống hầm biogas hoặc hố ủ phân, bể tự hoại. Hố ủ phân phải được đậy kín và được chống thấm.

Điều 7. Giám sát công tác bảo vệ môi trường

Hộ gia đình, cá nhân có quyền hạn và trách nhiệm tham gia giám sát hoạt động BVMT như sau:

1. Tham gia góp ý việc triển khai các dự án kinh tế, xã hội tại địa phương trong giai đoạn cấp phép đầu tư. Các ý kiến góp ý hoặc không tán thành phản ánh về UBND hoặc UBMTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn.

2. Giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ quan nhà nước, chính quyền, tổ chức đoàn thể, đơn vị vũ trang, cơ sở sản xuất kinh doanh và các hộ gia đình, cá nhân khác trong khu vực mình sinh sống.

3. Khi phát hiện các sai phạm kịp thời phản ánh với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan để xử lý.

Điều 8. Bảo vệ môi trường tại nơi làm việc

Các tổ chức, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

1. Giữ gìn vệ sinh môi trường tại công sở, nơi làm việc.

2. Phát triển tối đa diện tích cây xanh. Đối với các công sở xây dựng mới, phải đảm bảo diện tích cây xanh đạt từ 20% diện tích mặt bằng trên lênh.

3. Tuyên truyền, đề ra quy định và thực hiện tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm trong các hoạt động của cơ quan, đơn vị.

4. Phát động các hoạt động BVMT tại cơ quan, đơn vị. Tham gia, hưởng ứng các phong trào BVMT tại địa phương.

Điều 9. Trách nhiệm của các tổ chức quản lý khu công cộng

Các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu và các khu vực công cộng khác có trách nhiệm:

1. Xây dựng và niêm yết quy định giữ gìn vệ sinh và giữ gìn cảnh quan nơi công cộng.
2. Bố trí đủ và hợp lý các công trình vệ sinh, phuong tiện, thiết bị thu gom chất thải.
3. Có đủ lực lượng làm vệ sinh môi trường, thường xuyên thu gom chất thải trong phạm vi quản lý.

Chương III

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ

Điều 10. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Chủ các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà trong hoạt động có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi/dự án đầu tư phải lập đồng thời hồ sơ BVMT theo quy định tại mục 1, 2, 3 khoản 14 Điều này trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận.
3. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)/Đề án BVMT/ Bản cam kết BVMT/ Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của cơ quan nhà nước quy định tại Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM/ Quyết định phê duyệt đề án BVMT/ Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết BVMT/ Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.
4. Đối với các dự án thuộc đối tượng phải lập Báo cáo ĐTM, sau khi được cấp có thẩm quyền cấp quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, phải thực hiện nghiêm túc các nội dung quy định tại Điều 14, Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
5. Chủ động xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và kịp thời khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ra. Bởi thường mọi thiệt hại do sự cố môi trường của cơ sở mình gây ra.
6. Đối với các cơ sở trong quá trình hoạt động có phát sinh chất thải nguy hại phải lập hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Các điều kiện hành nghề, quản lý và thủ tục đăng ký chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý chất thải nguy hại thực hiện theo nội dung Thông tư 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại.
7. Quan trắc giám sát môi trường thực hiện theo đúng nội dung đã cam kết trong báo cáo ĐTM hoặc bản cam kết BVMT đã được phê duyệt và thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo về hoạt động BVMT trình cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có thẩm quyền.
8. Lập bảng công khai thông tin về môi trường, các biện pháp phòng ngừa, hạn chế tác động đến môi trường và biện pháp xử lý, giảm thiểu ô nhiễm để người lao động và nhân dân tại khu vực triển khai dự án giám sát.

9. Trong quá trình tổ chức hoạt động, nếu cơ sở tạm ngừng sản xuất hoặc chấm dứt hoạt động thì phải có văn bản báo cáo với Chính quyền địa phương và cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường.

10. Đảm bảo diện tích cây xanh tối thiểu là 20% tổng diện tích mặt bằng quy hoạch xây dựng cơ sở.

11. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức BVMT cho tập thể CBCNV trong phạm vi cơ quan, đơn vị.

12. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra về môi trường.

13. Nộp thuế môi trường, phí BVMT theo quy định.

14. Các loại hồ sơ về môi trường:

a) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC): Các dự án được quy định tại Điều 14 của Luật Bảo vệ môi trường có trách nhiệm lập báo cáo ĐMC trình các bộ ngành theo thẩm quyền hoặc UBND tỉnh phê duyệt.

b) Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Các dự án được quy định tại phụ lục Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 2 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 phải lập báo cáo ĐTM trình UBND tỉnh hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

c) Bản cam kết Bảo vệ môi trường (CKBVMT): Các dự án đầu tư được quy định tại Điều 24 Luật Bảo vệ môi trường phải lập bản CKBVMT trình UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xác nhận.

d) Báo cáo ĐTM bổ sung, bản CKBVMT bổ sung: Các dự án đầu tư được quy định tại Điều 13, Nghị định 80/2006/NĐ-CP và khoản 6 Điều 1 Nghị định 21/2008/NĐ-CP của Chính phủ phải tiến hành lập báo cáo ĐTM bổ sung, bản CKBVMT bổ sung trình cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

Điều 11. Bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xen kẽ khu dân cư

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong quá trình hoạt động phải đảm bảo thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia hiện hành về môi trường.

2. Đối với các khu đô thị, khu dân cư đông đúc đã quy hoạch các khu tiểu thủ công nghiệp, UBND cấp huyện chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, di dời các hộ sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường đang nằm xen kẽ trong các khu dân cư tới các khu đã quy hoạch. Các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh phải di dời ra khỏi khu dân cư gồm: các cơ sở sửa chữa ô tô, xe máy tập trung; các cơ sở gia công cơ khí, sơn, gò, hàn; các cơ sở sản xuất đồ mộc; lò sản xuất bánh mỳ và các cơ sở sản xuất quy mô công nghiệp khác.

3. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động đã thực hiện các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nhưng vẫn không đảm bảo về quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường thì bắt buộc phải di dời đến khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (*nếu có*) hoặc bị đình chỉ hoạt động.

4. Không cấp phép xây dựng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường trong khu dân cư.

Điều 12. Bảo vệ môi trường tại khu sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung

Chủ đầu tư khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu vui chơi giải trí có trách nhiệm:

1. Tuân thủ quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết các khu chức năng đã được phê duyệt.
2. Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. Chịu trách nhiệm về tình hình môi trường của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu vui chơi giải trí do mình làm chủ đầu tư.
3. Đầu tư cơ sở hạ tầng thu gom, xử lý chất thải đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn. Thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý chất thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn thải trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.
4. Định kỳ lập báo cáo quan trắc, giám sát định kỳ môi trường theo đúng tần suất, nội dung đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
5. Bố trí bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ BVMT.

Điều 13. Bảo vệ môi trường tại các làng nghề

1. Khuyến khích thành lập các làng nghề, khu tiểu thủ công nghiệp có chung hệ thống kết cấu hạ tầng BVMT, nhất là đối với các làng nghề tái chế nhựa, chế biến tinh bột sắn, sản xuất gạch ngói...
2. Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong làng nghề, khu tiểu thủ công nghiệp phải xử lý chất thải đảm bảo tiêu chuẩn thải.
3. Khuyến khích đầu tư, nghiên cứu sử dụng công nghệ sản xuất mới ít gây ô nhiễm môi trường.
4. UBND cấp huyện, có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác BVMT đối với làng nghề, khu tiểu thủ công nghiệp.

Điều 14. Bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng

1. Các đơn vị thi công hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị (*cáp nước, thoát nước, sập chữa lỏng đường, vỉa hè, lắp đặt cáp thông tin...*) cần có kế hoạch dài hạn, chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để thống nhất kế hoạch đầu tư, tránh tình trạng cơ sở hạ tầng bị đào xới liên tục, ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và mất mỹ quan đường phố.

2. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của các nhà thầu trong thi công xây dựng công trình:

a) Việc vận chuyển vật liệu xây dựng phải được thực hiện bằng các phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, được che chắn kín không làm rò rỉ, rơi vãi ra đường phố, gây ô nhiễm môi trường.

b) Nghiêm cấm tập kết vật tư tràn lan, trộn vữa hồ, bê tông trên vỉa hè, đường phố, phải bảo vệ vỉa hè tại khu vực xây dựng. Trong quá trình thi công phải trang bị hệ thống che chắn công trình, tránh bụi và vật rơi từ trên cao xuống, tránh xả khói bụi vào môi trường xung quanh.

c) Các loại rác thải xây dựng (đất, cát, xà bần...) phát sinh trong quá trình thi công không được tập trung lưu trữ trên lòng đường, vỉa hè và phải được vận chuyển, đổ thải đúng nơi quy định.

Điều 15. Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai phải thực hiện nghiêm túc quy định tại Điều 44 - Luật Bảo vệ môi trường.

2. Phải tiến hành xây dựng Dự án ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo nội dung quy định tại Điều 114 - Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg ngày 29/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản. Việc tiến hành ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường phải được thực hiện trước khi tiến hành khai thác 30 ngày. Quá trình phục hồi môi trường phải tiến hành cùng với quá trình sản xuất và ngay khi kết thúc khai thác.

3. Trong quá trình khai thác khoáng sản nếu có sử dụng vật liệu nổ phải được sự cấp phép của Cơ quan có thẩm quyền và phải đảm bảo bán kính an toàn đối với người và khu dân cư là 300 m.

Điều 16. Bảo vệ môi trường đối với bệnh viện, trung tâm y tế và cơ sở y tế

1. Bệnh viện, Trung tâm y tế và các cơ sở khám chữa bệnh đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Lào Cai phải thực hiện các yêu cầu về BVMT sau đây:

a) Thực hiện nghiêm túc quy định tại Điều 39 - Luật Bảo vệ môi trường và Quy chế quản lý chất thải y tế của Bộ Y tế;

b) Các cơ sở y tế đang hoạt động mà chưa thực hiện xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường phải hoàn thiện các thủ tục về bảo vệ môi trường có liên quan trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chất thải nguy hại phát sinh (*bệnh phẩm, rác thải y tế, thuốc hết hạn sử dụng*) phải được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; đồng thời phải tiến hành đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Quy hoạch xây dựng các bệnh viện, trung tâm y tế, cơ sở y tế phải đảm bảo khoảng cách vệ sinh theo quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế, phải tiến hành lập báo cáo ĐTM hoặc bản CKBVMT trình cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt hoặc xác nhận. Đối với việc quy hoạch các bệnh viện, cơ sở y tế điều trị các bệnh truyền nhiễm không được bố trí trong khu dân cư.

3. Các cơ sở chiếu xạ, dụng cụ thiết bị y tế có sử dụng chất phóng xạ phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn hạt nhân và an toàn bức xạ.

Điều 17. Bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu phải có trách nhiệm:

1. Thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều 43 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bố trí kho bãi bảo đảm các điều kiện về môi trường dành riêng cho việc tập kết phế liệu.

3. Phải bán hết phế liệu nhập khẩu sau 03 tháng kể từ ngày phế liệu nhập khẩu về đến cửa khẩu Lào Cai.

4. Chậm nhất là 05 (năm) ngày trước khi tiến hành bốc dỡ phé liệu phải thông báo bằng văn bản cho Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường về: Chủng loại, số lượng, trọng lượng phé liệu, cửa khẩu nhập, tuyến vận chuyển, kho, bãi tập kết phé liệu và tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phé liệu làm nguyên liệu sản xuất.

Điều 18. Bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch

1. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu du lịch, điểm du lịch, khu vui chơi giải trí phải thực hiện các biện pháp BVMT sau đây:

a) Xây dựng và niêm yết công khai các quy định về BVMT tại khu du lịch, điểm du lịch, khu vui chơi giải trí để hướng dẫn du khách và và những người có liên quan tham gia bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, nhất là ở các khu du lịch sinh thái, khu bảo tồn thiên nhiên.

- b) Lắp đặt, bố trí đủ và hợp lý công trình vệ sinh, thiết bị thu gom chất thải;
- c) Bố trí lực lượng làm vệ sinh môi trường.

2. Khách du lịch có trách nhiệm thực hiện các quy định sau đây:

a) Tuân thủ nội quy, hướng dẫn về BVMT của khu du lịch, điểm du lịch và khu vui chơi giải trí;

- b) Đỗ chất thải vào thiết bị thu gom chất thải đúng nơi quy định;
- c) Giữ gìn vệ sinh nơi tham quan du lịch;

d) Không xâm hại cảnh quan môi trường, Vườn Quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên, các loài sinh vật tại khu du lịch, điểm du lịch.

3. Các hồ chứa nước, các hồ thuỷ điện trong diện quy hoạch, phát triển du lịch, không được nuôi cá lồng bè tập trung để hạn chế sự tồn dư chất thải gây ảnh hưởng đến chất lượng nước.

Điều 19. Bảo vệ môi trường trong hoạt động mai táng

1. Việc an táng người chết phải được thực hiện trong các nghĩa trang, khu chôn cất tập trung đã được Chính quyền địa phương quy hoạch, sử dụng.

2. Tôn trọng các quyền tự do tín ngưỡng, phong tục tập quán trong quá trình tổ chức tang lễ nhưng vẫn phải phù hợp với các quy định vệ sinh.

3. Không sử dụng nhạc tang sau 22 giờ đêm và trước 06 giờ sáng.

4. Người chết vì nguyên nhân thông thường thì sau khi tắt thở từ 8 - 10 giờ phải được nhập quan, phải chôn cất trước 48 giờ kể từ khi chết. Trường hợp chết vì dịch bệnh việc khâm liệm tử thi phải theo hướng dẫn của cơ quan y tế, sau đó phải chôn ngay, không được để quá 24 giờ đồng hồ.

5. Tuân thủ các quy định liên quan khác của pháp luật.

Chương IV ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Điều 20. Ứng phó sự cố môi trường

1. Tổ chức, cá nhân phát hiện dấu hiệu xảy ra sự cố môi trường cần báo ngay cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn gần nhất để ngăn chặn, xử lý kịp thời.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân gây ra sự cố môi trường:

a) Thực hiện các biện pháp khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho người và tài sản; ngăn chặn, hạn chế đến mức thấp nhất các nguồn gây ra sự cố, các đường dẫn phát tán chất thải, tác nhân gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe người dân;

b) Thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về BVMT nơi xảy ra sự cố; trường hợp sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi nhiều cơ sở thì người đứng đầu các cơ sở có trách nhiệm cùng phối hợp ứng phó;

c) Thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm;

d) Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường;

đ) Bồi thường thiệt hại theo quy định.

Điều 21. Huy động ứng phó sự cố môi trường

1. Sự cố môi trường xảy ra ở địa phương nào thì chính quyền địa phương đó có trách nhiệm chủ trì giải quyết, huy động khẩn cấp nhân lực, vật lực và phương tiện để ứng phó sự cố kịp thời.

2. Sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi nhiều địa phương thì Chính quyền địa phương nơi có sự cố có trách nhiệm cùng phối hợp ứng phó. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó sự cố của địa phương thì phải khẩn cấp báo cáo lên Chính quyền cấp trên để kịp thời huy động lực lượng.

3. Các cơ sở, địa phương, tổ chức, cá nhân được yêu cầu huy động ứng phó sự cố phải tuân thủ sự chỉ đạo của người chỉ đạo việc ứng phó; đóng góp kinh phí, phương tiện và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi khả năng của mình.

Điều 22. Bồi hoàn chi phí trong việc huy động các nguồn lực để ứng phó sự cố môi trường

1. Nhân lực, vật tư, phương tiện được sử dụng để ứng phó sự cố môi trường được bồi hoàn chi phí theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các sự cố môi trường do tự nhiên, chi phí do ngân sách nhà nước chi trả.

3. Đối với các sự cố môi trường do tổ chức, cá nhân gây ra, tổ chức, cá nhân đó phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí bồi hoàn.

Chương V TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI

Điều 23. Trách nhiệm của UBND các cấp

1. UBND cấp tỉnh: UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai.

2. UBND cấp huyện:

a) Thực hiện theo phân cấp trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường.

b) Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội dài hạn, trung hạn, hàng năm và thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường tại địa phương.

c) Bố trí cán bộ, tổ chức chuyên môn quản lý môi trường, trang bị thiết bị về môi trường phục vụ cho công tác quản lý, thanh tra và quan trắc môi trường; Chịu trách nhiệm trong việc sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường được phân bổ đúng nội dung và hiệu quả.

d) Giải quyết, khắc phục tình hình ô nhiễm môi trường tại các khu tiêu thụ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn; quy hoạch khu tiêu thu công nghiệp, làng nghề để di dời các cơ sở sản xuất ra khỏi khu dân cư; phối hợp với Sở Xây dựng quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng về BVMT trên địa bàn.

đ) Hàng năm tiến hành rà soát các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đề nghị UBND tính đưa vào danh sách cần phải xử lý triệt để.

e) Thực hiện thẩm định hồ sơ Dự án cải tạo phục hồi môi trường và ra thông báo ký quỹ môi trường đối với các dự án, cơ sở khai thác khoáng sản theo phân cấp.

g) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên & Môi trường định kỳ hàng năm báo cáo tình hình công tác quản lý nhà nước về môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. UBND cấp xã:

a) Thực hiện theo phân cấp trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật BVMT.

b) Bố trí cán bộ phụ trách về quản lý môi trường trên địa bàn, bố trí kinh phí cho công tác quản lý môi trường. Khuyến khích, tạo điều kiện thành lập tổ tự quản về môi trường.

c) Giám sát việc thực hiện các nội dung trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, khi phát hiện sai phạm báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền cấp trên trực tiếp để kiểm tra, xử lý.

d) Tổ chức các phong trào về BVMT, hoạt động vệ sinh môi trường các khu dân cư trên địa bàn theo định kỳ hàng tháng, nhằm huy động sự tham gia của các tầng lớp nhân dân.

Điều 24. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

Các sở, ban ngành, các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp, lực lượng vũ trang nhân dân có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT thuộc phạm vi quản lý, đưa nội dung BVMT vào quy hoạch phát triển ngành. Ngoài ra, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh và có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện theo phân cấp trách nhiệm quy định tại Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND ngày 25/11/2008 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai.

b) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; hướng dẫn nghiệp vụ hoặc tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Phòng Tài nguyên & Môi trường cấp huyện.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan thanh tra, kiểm tra và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến bảo vệ môi trường.

d) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn chi sự nghiệp môi trường tại các ngành, các cấp.

đ) Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường của Phòng Tài nguyên Môi trường các huyện, thành phố và cán bộ tài nguyên môi trường cấp xã.

e) Thiết lập và duy trì đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý các vấn đề về ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ đầu tư dự án đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, huyện và các dự án phát triển khác thuộc thẩm quyền.

b) Xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt đầu tư các dự án xây dựng hệ thống, cơ sở hạ tầng xử lý môi trường, các dự án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh như kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải, tái chế chất thải, vệ sinh môi trường.

c) Lồng ghép, cân đối nguồn vốn cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo chất lượng môi trường tại các đô thị.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh, sử dụng phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật; quản lý các loại giống cây trồng, vật nuôi; quản lý hệ thống thủy lợi, đê điều, nước sạch khu vực nông thôn; hoạt động nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản; bảo tồn các loài động, thực vật rừng quý hiếm, các hệ sinh thái rừng đặc hữu tại Vườn Quốc gia Hoàng Liên và khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - Văn Bàn; hướng dẫn hoạt động sinh vật cảnh không gây tác hại đến môi trường.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành, UBND cấp huyện có liên quan thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

c) Xây dựng kế hoạch, chương trình phòng tránh thiên tai, dịch bệnh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các cấp thực hiện yêu cầu BVMT đối với hoạt động chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm.

đ) Đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

4. Sở Công thương:

a) Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động công nghiệp, thương mại, dịch vụ (trừ hoạt động nhập khẩu phế liệu).

b) Đảm bảo yêu cầu BVMT trong quy hoạch phát triển khu, cụm công nghiệp và chiến lược phát triển công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

c) Chủ trì, hướng dẫn các cơ sở sản xuất công nghiệp triển khai áp dụng các công nghệ sản xuất sạch hơn.

d) Tuyên truyền phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, các quy định quốc tế về môi trường, rào cản môi trường trong thương mại nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất, lưu thông hàng hóa, xuất nhập khẩu theo hướng bền vững.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành liên quan thực hiện các quy định bảo vệ môi trường, an toàn hoá chất, an toàn hạt nhân, bức xạ trong khảo sát, thăm dò, khai thác, vận chuyển khoáng sản có chứa nguyên tố phóng xạ, chất độc hại.

5. Sở Xây dựng:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong công tác quản lý quy hoạch, hướng dẫn quản lý quy hoạch và thẩm định các đồ án quy hoạch như: Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng đô thị (quy hoạch chung và chi tiết), quy hoạch các điểm dân cư nông thôn.

b) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định BVMT trong quá trình quy hoạch, thiết kế, xây dựng, vận hành và quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn và nước thải tại đô thị, khu sản xuất dịch vụ tập trung, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, làng nghề và khu dân cư nông thôn.

6. Sở Giao thông vận tải:

a) Quản lý, kiểm tra việc sử dụng nhiên liệu, các động cơ và bộ phận giảm thiểu, xử lý khói thải, tiếng ồn.. của các phương tiện giao thông; việc che chắn của các phương tiện vận chuyển hàng hóa, đất đá, vật liệu xây dựng, ...

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập hồ sơ môi trường, việc thực hiện các giải pháp BVMT, giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công đối với các dự án, công trình giao thông.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch và triển khai kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại các đầu mối giao thông.

7. Sở Y tế: Có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất thải y tế đặc biệt là chất thải y tế nguy hại, công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác phòng dịch, dịch vụ mai táng. Hướng dẫn kỹ thuật vệ sinh môi trường, giám sát chất lượng nước sinh hoạt. Quản lý, giám sát việc sử dụng các thiết bị bức xạ, các loại thuốc, hóa chất phóng xạ và xử lý các chất thải phóng xạ dùng trong y tế đảm bảo an toàn.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Có trách nhiệm đưa nội dung bảo vệ môi trường vào các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, vận động xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu phố văn hóa. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường tại các khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu văn hóa và các dịp lễ hội truyền thống.

9. Sở Khoa học và Công nghệ: Có trách nhiệm đẩy mạnh công tác điều tra, nghiên cứu và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Đánh giá, giám định các thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ nhập vào địa bàn tỉnh. Chỉ đạo, quản lý và kiểm soát hoạt động bức xạ trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo: Có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai nội dung giáo dục về môi trường tại các cấp học theo quy định. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa về môi trường trong trường học.

11. Sở Tài chính: Có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh đảm bảo nguồn kinh phí cho công tác BVMT theo kế hoạch đã được duyệt, bố trí đủ kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho các ngành, các cấp, đặc biệt kinh phí sự nghiệp môi trường cho cấp xã và kinh phí khắc phục, xử lý các sự cố môi trường. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự toán, kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm trình UBND và Hội đồng nhân dân tỉnh. Phối hợp với Cục Thuế, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu với HĐND, UBND tỉnh quyết định thu các loại phí, lệ phí về lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh.

12. Sở Thông tin và Truyền thông: Có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường.

13. Sở Tư pháp: Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp tổ chức phổ biến, hướng dẫn việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường đến mọi tầng lớp nhân dân.

14. Sở Nội vụ: Có trách nhiệm đảm bảo chỉ tiêu biên chế cho công tác quản lý môi trường cấp tỉnh, cấp huyện, đặc biệt ở cấp xã. Lồng ghép các tiêu chí BVMT trong việc xét các danh hiệu thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

15. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, điều tra, xử lý tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác về môi trường; có trách nhiệm huy động lực lượng tham gia ứng phó, khắc phục sự cố môi trường; thiết lập và duy trì đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý các vấn đề về ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

16. Ban Quản lý các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, nội dung cam kết trong báo cáo ĐTM và bản cam kết bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Chủ động xây dựng quy chế bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp làm căn cứ cho cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư triển khai thực hiện; Thẩm định, phê duyệt hồ sơ môi trường của các dự án đầu tư trong khu, cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

17. Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai: Chủ trì hoặc phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của khu kinh tế; kịp thời thông báo, trao đổi thông tin giữa các cơ quan chức năng hữu quan nhằm giải quyết nhanh nhất những yêu cầu liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường đối với việc xuất nhập hàng hóa; phát hiện và xử lý kịp thời hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động xuất nhập cảnh tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai theo quy định của pháp luật.

18. Vườn Quốc gia Hoàng Liên, khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên -Văn Bàn: Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hành động, Quy chế hoạt động và tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện; định kỳ điều tra, đánh giá, lập quy hoạch bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ các loài động thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng. Phục hồi sinh thái rừng và cảnh quan, tạo điều kiện cho các loài động, thực vật tồn tại và phát triển.

19. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: có trách nhiệm huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, thiên tai; Chủ trì phối hợp kiểm tra, phát hiện và xử lý chất độc hóa học tồn lưu sau chiến tranh; Quản lý, kiểm soát việc tồn trữ và sử dụng các vật liệu nổ.

20. Báo Lào Cai, Đài Phát thanh và Truyền hình Lào Cai và các cơ quan thông tin đại chúng: Có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền pháp luật, chủ trương, chính sách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; thông tin kịp thời về các sự kiện môi trường, biểu dương các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu, phê phán các tổ chức, cá nhân có các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

21. Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể:

Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đoàn thể trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia bảo vệ môi trường; giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

22. Các sở, ban, ngành khác:

Các sở, ban, ngành khác căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện các quy định và bảo vệ môi trường thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của đơn vị.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban Mật trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai và các tổ chức thành viên

1. Tuyên truyền, vận động các thành viên và nhân dân tham gia bảo vệ môi trường.
2. Giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của các Cơ quan quản lý nhà nước, Chính quyền, các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình.

Điều 26. Sự phối hợp của các ngành

1. Các ban ngành có liên quan chủ động xây dựng các chương trình phối hợp hành động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
2. Đối với việc cấp giấy phép: Chỉ được cấp các loại giấy phép xây dựng, giấy phép đủ điều kiện hoạt động đối với một số ngành sản xuất kinh doanh dịch vụ có điều kiện khi dự án, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ đã có đầy đủ các thủ tục về môi trường.
3. Đối với việc kiểm tra công tác bảo vệ môi trường: Đối với việc kiểm tra tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp giao Ban Quản lý các cụm công nghiệp làm đầu mối, chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, UBND các huyện, thành phố thực hiện.

Chương VI CHÍNH SÁCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 27. Một số chính sách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của tỉnh

1. Tỉnh Lào Cai khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, đầu tư phát triển công nghiệp sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; đẩy mạnh xã hội hóa công tác vệ sinh môi trường, tăng cường tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải.

Giao cho Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện phát triển khoa học công nghệ trong bảo vệ môi trường.

2. Căn cứ vào tình hình xử lý chất thải, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, việc chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, sẽ tiến hành phân loại, phân hạng doanh nghiệp dựa trên tiêu chí BVMT. Đối với các cơ sở trong quá trình hoạt động áp dụng phương pháp sản xuất sạch hơn, áp dụng công nghệ tiên tiến góp phần BVMT, có nguyên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường được xem xét trao Giải thưởng Doanh nghiệp Xanh.

Giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm xây dựng quy định phân loại, phân hạng doanh nghiệp theo tiêu chí BVMT, quy định xét và trao Giải thưởng Doanh nghiệp Xanh cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong quá trình cải tạo hệ thống xử lý chất thải, di dời, khắc phục ô nhiễm được xem xét hỗ trợ một phần kinh phí cải tạo hệ thống xử lý, khắc phục ô nhiễm hoặc được hỗ trợ bố trí địa điểm, kinh phí di dời đối với trường hợp di dời địa điểm.

Giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trong đầu tư khắc phục ô nhiễm môi trường.

4. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thu gom, tái chế, xử lý chất thải được ngân sách tỉnh xem xét hỗ trợ về tài chính.

Giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chính sách hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thu gom, tái chế, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh.

5. Khuyến khích việc thành lập tổ tự quản môi trường để tăng cường công tác quản lý môi trường tại mỗi địa phương, đặc biệt tại các xã, phường, thị trấn có tình hình vi phạm Luật BVMT xảy ra phổ biến. Hình thành nếp sống, thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường, xóa bỏ hủ tục gây hại đến môi trường

Giao UBND các huyện, thành phố xây dựng và ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức tự quản trên địa bàn.

Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm triển khai việc thành lập tổ tự quản môi trường tại một số khu phố, thôn trọng yếu. Sau đó, triển khai, nhân rộng ra các địa bàn khác.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền kết hợp với áp dụng các biện pháp hành chính, kinh tế để xây dựng, nâng cao ý thức tự giác, kỷ cương trong hoạt động bảo vệ môi trường.

Giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, báo, đài tuyên truyền về BVMT.

Điều 28. Nguồn tài chính cho công tác bảo vệ môi trường

1. Kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm của tỉnh (bao gồm cả ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã) chi không dưới 1% kinh phí chi thường xuyên của ngân sách.

2. Vốn của tổ chức, cá nhân cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, công nghiệp và dịch vụ về môi trường.

3. Tiền bồi thường thiệt hại về môi trường, thuế môi trường, phí BVMT, tiền xử lý vi phạm về môi trường.
4. Vốn của các cơ sở sản xuất, kinh doanh để phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đối với môi trường.
5. Đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.
6. Vốn vay ưu đãi và tài trợ từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Điều 29. Thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường

1. Thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lào Cai, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh, nhằm thu hút các nguồn đầu tư và chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Tỉnh Lào Cai khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân lập quỹ bảo vệ môi trường riêng trong quá trình hoạt động.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh là tổ chức tài chính được thành lập ở tỉnh để hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường. Vốn hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường của tỉnh được huy động từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Các loại phí bảo vệ môi trường;
- c) Các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường đối với Nhà nước;
- d) Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- đ) Các khoản hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

Chương VII THANH TRA, KIỂM TRA

Điều 30. Thanh tra bảo vệ môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực bảo vệ môi trường, có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra của các ngành, các cấp có liên quan trong việc thanh tra bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình thanh tra, đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên có quyền:

1. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, các chứng cứ và trả lời những vấn đề cần thiết cho việc thanh tra.
2. Tiến hành các biện pháp kiểm tra kỹ thuật tại hiện trường.
3. Quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động của cơ sở khi phát hiện quá trình hoạt động của cơ sở có nguy cơ gây sự cố nghiêm trọng về môi trường và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định đó. Báo cáo xử lý hoặc kiến nghị với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hoạt động có thể gây sự cố môi trường.
4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 31. Thẩm quyền thực hiện kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định bảo vệ môi trường của các cơ quan hành chính, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của UBND tỉnh, và các dự án thuộc thẩm quyền kiểm tra, thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Phối hợp kiểm tra các cơ sở khác theo đề nghị của UBND các huyện, thành phố.

2. UBND cấp huyện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ thuộc diện lập Bản cam kết bảo vệ môi trường (*và các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có quy mô tương đương*). Trong trường hợp đã kiểm tra, xử lý (tối thiểu hai lần) nhưng không giải quyết dứt điểm (về ô nhiễm và việc khiếu kiện), thì có văn bản đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp kiểm tra, xử lý.

3. UBND cấp xã kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong việc bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân. Trong trường hợp đã kiểm tra, xử lý (tối thiểu hai lần) nhưng không giải quyết dứt điểm (về ô nhiễm và việc khiếu kiện), thì có văn bản đề nghị UBND huyện phối hợp kiểm tra, xử lý.

4. Lực lượng cảnh sát môi trường thuộc Công an tỉnh kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, công dân theo thẩm quyền.

5. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp, cơ quan chuyên môn hữu quan có trách nhiệm giúp đỡ, phối hợp với các tổ chức thanh tra, kiểm tra trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường.

6. Số lần kiểm tra, thanh tra về môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ định kỳ tối đa 2 lần/năm, trừ trường hợp thanh tra để xác minh hoặc phúc tra việc chấp hành các quy định môi trường của cơ sở hoặc khi cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ bị tố cáo là đã vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 32. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ môi trường và Quy chế này thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 117/2009/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BVMT và các quy định hiện hành; hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì còn phải khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật BVMT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Người đứng đầu tổ chức, cán bộ công chức, viên chức nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ môi trường hoặc thiếu trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, công dân thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. UBND các cấp, thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức thanh tra, kiểm tra xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh, gây ô nhiễm môi trường.

Điều 33. Khen thưởng

Các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, có các giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường tốt, có hoạt động giám sát công tác bảo vệ môi trường tốt được khen thưởng như sau:

1. Các ngành, các đoàn thể, địa phương đưa việc bảo vệ môi trường thành một tiêu chí trong việc bình xét thi đua, thành tích của đơn vị, cá nhân.

2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, có các giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường được tuyên dương phổ biến và được khen thưởng, hưởng cơ chế khuyến khích ưu đãi theo quy định của pháp luật và theo quy định khác của tỉnh; Hàng năm, căn cứ vào thành tích bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân và căn cứ theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để xét khen tặng các giải thưởng môi trường cấp Tỉnh và đề nghị xét tặng giải thưởng môi trường cấp Quốc gia.

3. Trong trường hợp, các cá nhân tham gia bảo vệ môi trường, khắc phục sự cố, ô nhiễm môi trường và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường mà bị thiệt hại tài sản, sức khoẻ hoặc tính mạng thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Trách nhiệm triển khai thực hiện

1. UBND tỉnh giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan liên quan và UBND các cấp tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn, các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và trách nhiệm của mình, tăng cường phối hợp, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác được quy định trong Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Phạm Văn Cường